TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 593/2024/DS-PT
Ngày 27-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 424/2024/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/10/2024). Có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1975; có mặt;

2. Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1995; có đơn xin vắng mặt.

Bà H1 và ông P1 cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 22/01/2022, bà Nguyễn Thị H có cho bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1 vay mượn số tiền 400.000.000 đồng theo "Hợp đồng cho vay mượn tiền" lập ngày 22/01/2022 có chữ ký, viết tên của người cho mượn bà Nguyễn Thị H; chữ ký, viết tên của người mượn ông Nguyễn Thanh P1 và chữ ký, viết tên, dấu lăn tay của người mượn bà Nguyễn Thị Thu H1. "Hợp đồng cho vay mượn tiền" lập ngày 22/01/2022 là do bà H1 tự tay viết trên mẫu giấy do bà H soạn sẵn. Bà H1 và ông P1 nói là mượn tiền để kinh doanh bất động sản. Khi vay, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2,5%/tháng nhưng khi bà H1 tuyên bố bể nợ thì bà H1 có xin bà H giảm tiền lãi và xin tính lãi suất mức 1,5%/tháng, thực tế bà H chưa nhận tiền lãi của bà H1 và ông P1. Hai bên thỏa thuận việc trả lãi vay hàng tháng và trả tiền vay gốc sau 24 tháng là vào ngày 22/01/2024. Sau ngày 22/01/2024, bà H có tìm gặp bà H1 và ông P1 nhiều lần để đòi nợ nhưng bà H1 và ông P1 cố tình né tránh, cho đến nay bà H1 và ông P1 vẫn không trả nợ cho bà H.

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2024, bà H yêu cầu bà H1 và ông P1 phải trả tổng số tiền là 568.000.000 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và 168.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 22/5/2024 với lãi suất 1,5%/tháng theo "Hợp đồng cho vay mượn tiền" lập ngày 22/01/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định yêu cầu bà H1 và ông P1 phải trả số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng theo "Hợp đồng cho vay mượn tiền" lập ngày 22/01/2022; bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H1 và ông P1 phải trả số tiền 168.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà H1 và ông P1, tuy nhiên bị đơn bà H1 và ông P1 thường xuyên không có mặt vào ban ngày tại địa chỉ cư trú. Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho con dâu bà H1 và là vợ ông P1 và có cam kết giao lại nhưng phía bị đơn bà H1 và ông P1 không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền vay gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) theo "Hợp đồng cho vay mượn tiền" lập ngày 22/01/2022

có chữ ký, viết tên của người cho mượn bà Nguyễn Thị H, chữ ký, viết tên của người mượn ông Nguyễn Thanh P1 và chữ ký, viết tên, dấu lăn tay của người mượn bà Nguyễn Thị Thu H1.

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1 về số tiền lãi là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng) theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 17/9/2024 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng bà H1 nhiều lần vay mượn tiền của bà H và chơi hụi do bà H làm chủ hụi. Ngoài khoản tiền vay 400.000.000 đồng ngày 22/01/2022, bà H1 còn vay mượn bà H nhiều lần với nhiều khoản tiền khác nhau (có khoản có giấy vay, có khoản không có giấy vay). Cụ thể, bà H đã khởi kiện bà H1 đối với khoản nợ 600.000.000 đồng (theo 03 giấy nợ là 100.000.000 đồng, 200.000.000 đồng và 300.000.000 đồng từ năm 2020 đến năm 2022) và được Tòa án nhân dân huyện D thụ lý bằng vụ án khác, kết quả đã giải quyết xong và bà H1 chưa trả số tiền nào cho bà H.

Bà H thừa nhận là chủ tài khoản Messenger có tên "Nguyễn Thị H", đồng thời có nhắn tin qua lại với bà H1 qua tài khoản Messenger này. Bà H thừa nhận có nhận số tiền 400.000.000 đồng do bà H1 chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thu L và bà Nguyễn Thị H theo đúng chứng cứ bà H1 cung cấp. Tuy nhiên, bà H xác định đây là số tiền nợ khác của bà H1 đối với bà Nguyễn Thu L và bà H không có giấy tờ, không liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng vay ngày 22/01/2022 trong vụ án này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H1 và ông P1, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Lý do:

Ngày 22/01/2022, bà H1 vay bà H số tiền 400.000.000 đồng. Do bà H1 không có mặt ở nhà khi bà H giao tiền vay nên bà H1 giao cho ông P1 và yêu cầu ông P1 ký tên, thực chất ông P1 không vay tiền của bà H và không liên quan số tiền vay nêu trên. Việc vay tiền có ký Hợp đồng cho vay tiền ngày

22/01/2022, số tiền vay là 400.000.000 đồng, lãi suất 200.000 đồng/ngày/100.000.000 đồng (tức tiền vay 400.000.000 đồng thì tiền lãi mỗi ngày là 800.000 đồng), vay không có thời hạn và không thế chấp tài sản gì, mục đích vay tiền là để kinh doanh. Hợp đồng cho vay tiền do bà H1 viết theo mẫu do bà H cung cấp, chữ viết bằng bút mực là chữ viết của bà H1, còn số "24" ghi trong hợp đồng bà H1 không viết và không biết ai viết.

Từ ngày 22/01/2022 đến ngày 29/4/2022, bà H1 trả đủ tiền lãi cho bà H mỗi ngày 800.000 đồng. Và từ ngày 30/4/2022 đến ngày 14/5/2022, bà H1 trả lãi cho bà H mỗi ngày 400.000 đồng trên số tiền 200.000.000 đồng còn nợ. Trả lãi bằng tiền mặt nên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Về trả tiền vay gốc: ngày 29/4/2022, do bà H đòi tiền vay nên bà H1 đã chuyển khoản qua tài khoản của bà Nguyễn Thu L tại S theo yêu cầu của bà H trong tin nhắn Messenger số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Đến ngày 14/5/2022, bà H1 trả tiền gốc còn lại là 200.000.000 đồng qua tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP S1.

Bà H1 xác định, ngoài số tiền vay 400.000.000 đồng thì bà H1 có vay của bà H 03 khoản vay khác với tổng số tiền là 600.000.000 đồng đã được Tòa án nhân dân huyện D giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 154/2024/QĐST-DS ngày 24/9/2024. Ngoài ra, bà H1 còn nợ bà H tiền hụi là 204.000.000 đồng. Ngoài các khoản nợ trên này, bà H1 không vay mượn hay nợ bà H bất kỳ khoản nào khác, mỗi khoản vay bà H đều làm giấy vay, không khoản vay nào không làm giấy vay.

Bà H1 xác định đã trả cho bà H hết số tiền vay gốc 400.000.000 đồng vào ngày 29/4/2022 và ngày 14/5/2022 nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà H1 giao nộp chứng cứ: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 154/2024/QĐST-DS ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương; Giấy xác nhận của Ngân hàng TMCP N; Chi tiết tài khoản khách hàng của Ngân hàng TMCP Q; tài liệu trích và in ra từ tin nhắn qua tài khoản Messenger.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền vay. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Tòa án căn cứ Hợp đồng cho vay mượn tiền ngày 20/01/2022 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo và cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm kết quả sao kê tài khoản của bà H1, trích xuất tin nhắn giữa bà H1 và bà H thể

hiện bị đơn đã trả số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 29/4/2022 và ngày 14/5/2022. Tại Biên bản đối chất ngày 28/10/2024, nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền 400.000.000 đồng do bị đơn trả cho khoản vay khác nhưng nguyên đơn không chứng minh được khoản nợ nào. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 17/9/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là kháng cáo trong hạn luật định, đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 vắng mặt do có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P1 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1 nhận thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng ngày 22/01/2022, bà H cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1 vay số tiền 400.000.000 đồng và bà H1, ông P1 chưa trả tiền vay gốc cho bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 xác định có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay mượn tiền ngày 22/01/2022. Bà H1 đã trả hết tiền vay gốc 400.000.000 đồng cho bà H vào ngày 29/4/2022 số tiền 200.000.000 đồng (tài khoản bà Nguyễn Thu L) và ngày 14/5/2022 số tiền 200.000.000 đồng (tài khoản bà Nguyễn Thị H). Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 cung cấp chứng cứ gồm:

Giấy xác nhận của Ngân hàng TMCP N có nội dung: ngày 29/4/2022, chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ số tài khoản "*CT tu 0841000115530 NGUYEN THI THU HOA tới 050031434391 NGUYEN THU LANH (S) Sai Gon thuong tin*".

Chi tiết tài khoản khách hàng của Ngân hàng TMCP Q có nội dung: ngày 14/5/2022 nội dung "*NGUYEN THI THU HOA chuyen tien toi NGUYEN THI HIEN-050043754911*" số tiền 200.000.000 đồng.

Tài liệu trích và in ra từ tin nhắn qua tài khoản M "Hoa Thu" của bà H1 và "Nguyễn Thị H" có nội dung "*phần 400 triệu em mượn chị. Ngày 29/4 em trả*

trước 200 triệu. Em còn nợ chị lại 200 triệu nha chị"; "*Em trả chị 400 triệu ngày 14/5/2022*"…

Tại Biên bản đối chất ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, nguyên đơn thừa nhận việc có nhận số tiền 400.000.000 đồng do bà H1 chuyển khoản qua tài khoản của bà Nguyễn Thu L và bà Nguyễn Thị H nhưng xác định không liên quan đến khoản vay 400.000.000 đồng ngày 22/01/2022, mà là khoản vay khác không có giấy tờ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định khoản tiền bà H1 chuyển khoản cho bà Nguyễn Thu L (chị ruột bà Nguyễn Thị H) là khoản nợ riêng giữa bà H1 và bà L.

[2.2] Xét thấy, tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 mới tham gia tố tụng và giao nộp tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của bị đơn. Bị đơn trình bày lý do không tham gia tố tụng và giao nộp chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm do ông P1 đi làm việc không xin nghỉ được, bà H1 bị bể nợ nên lo sợ không dám đến Tòa án. Mặc dù việc bị đơn không giao nộp chứng cứ tại Tòa án nhân dân huyện D là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại thời điểm xét xử để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp là chứng cứ mới cần phải được xem xét theo quy định tại Điều 95 và 96 Bộ luật Tố tụng dân sự mới giải quyết đúng bản chất, đúng sự thật khách quan của vụ án. Đồng thời, quá trình chuẩn bị xét xử theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã triệu tập bà Nguyễn Thu L để làm việc nhưng bà L không đến Tòa án nên không có cơ sở đánh giá số tiền bà H1 chuyển khoản cho bà L, nếu chỉ được đánh giá ở cấp phúc thẩm thì không đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, để đảm bảo chứng cứ được xem xét, đánh giá ở hai cấp xét xử, cần phải đưa bà Nguyễn Thu L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới làm rõ được sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là chưa hoàn toàn phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Thanh P1 số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000429 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc